TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71/**2020/HNGĐ- ST
Ngày 27/3/2020
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Sơn
2. Ông Phạm Văn Vượng

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Đức Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27/3/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 441/2019/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 21/02/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 10/3/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị H, sinh năm 1978
- *Bị đơn*: Anh Vương Văn T, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Vương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2004 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn T, xã V, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau, vợ chồng

thường hay cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể kéo dài. Trong quá trình mâu thuẫn gia đình và chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị xác định giữa chị và anh T có 03 con chung, cháu Vương Thị Thu P, sinh ngày 26/02/1999; cháu Vương Thị Thanh T, sinh ngày 03/7/2001 và cháu Vương Ngọc D, sinh ngày 06/02/2004. Cháu P và cháu T hiện nay đã trưởng thành nên chị không đề nghị giải quyết. Đối với cháu Vương Ngọc D, sinh năm 2004 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Về cấp dưỡng chị không yêu cầu.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: chị xác định anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T trốn tránh, giấu địa chỉ, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H, xử cho chị Phan Thị H được ly hôn với anh Vương Văn T. Giao cháu Vương Ngọc D, sinh ngày 06/02/2004 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản, đất đai, vay nợ không có tranh chấp nên không xem xét. Chị Phan Thị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị H và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định anh Vương Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã V, huyện Sơn Dương. Vì vậy, căn cứ

khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị H, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của anh T xác định: anh T và chị H kết hôn vào năm 2004. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại xã V. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó từ khoảng năm 2015 vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp thường xảy ra cãi vã nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị có 03 con chung, cháu Vương Thị Thu P, sinh năm 1999; cháu Vương Thị Thanh T, sinh năm 2001 và cháu Vương Ngọc D, sinh năm 2004. Hiện nay cháu P, cháu T đã trưởng thành. Còn cháu D đang ở cùng mẹ là chị H. Anh T sống ở địa phương nhưng thường xuyên đi vắng, thỉnh thoảng mới về nhà.

Bản thân chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh T cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: kết quả xác minh cho thấy anh T thường xuyên đi vắng khỏi địa phương, chị H hiện đang trực tiếp nuôi con. Bản thân cháu D có ý kiến, khi bố mẹ ly hôn, cháu mong muốn được ở với mẹ. Anh T không có ý kiến gì về việc tranh chấp nuôi con. Đại diện chính quyền địa phương có ý kiến nên giao cháu D cho chị H nuôi dưỡng. Vì vậy cần giao cháu Vương Ngọc D, sinh ngày 06/02/2004 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: không đề nghị nên không xem xét.

[7] Về án phí: chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị H được ly hôn với anh Vương Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Vương Ngọc D, sinh ngày 06/02/2004 cho chị Phan Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Vương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Phan Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003151 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Vương Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/3/2020), đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lê Tuấn Linh